TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10-2019
Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Đời.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **V**, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Anh **P**, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *(Vắng mặt lần 02 không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị V trình bày:* Chị V và anh P cưới nhau, đăng ký kết hôn ngày 18/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trong cuộc sống có nhiều khác biệt, không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu được ly hôn với anh P.

Anh chị có một người con chung là cháu L, sinh ngày 20/8/2018, giới tính nữ; đang sống chung với chị V, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị V trình bày không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn là anh P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V; đồng thời giao cháu L cho chị V nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị V yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh P vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh P nhưng anh P vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh P.

Chị V yêu cầu ly hôn và được nuôi con, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2018 chị V và anh P cưới nhau và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị V và anh P xảy ra mâu thuẫn; theo chị V là do cuộc sống không hợp nhau, thường xuyên cự cải, gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Anh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử, nhưng anh P đều vắng mặt không lý do. Việc anh P cố tình vắng mặt là đã tự đánh mất cơ hội được hòa giải hàn gắn và trình bày ý kiến để được xem xét.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh P đã kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh P; anh chị không sống chung với nhau nữa; mục đích hôn nhân không

đạt được; anh P không có thiện chí hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

[3] Về con chung: Chị V và anh P có một người con chung là L, sinh ngày 20/8/2018, giới tính nữ, đang sống chung với chị V. Chị V yêu cầu được quyền nuôi con, anh P không thể hiện ý kiến của mình.

Qua xác minh thì anh P không có công việc và nơi ở ổn định; không lo làm ăn nên không có điều kiện nuôi con. Mặt khác, từ khi sinh ra đến nay cháu L được chị V chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và hiện nay cháu L còn quá nhỏ cần được sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu L cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Chị V và anh P không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị V trình bày không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét; nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V; chị V được ly hôn với anh P.

2- Về con chung: Giao L cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị V vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì anh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị V chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000153 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận